TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/**2025/HSST
Ngày 07/11/ 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tòa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Đỗ Thanh Hiền**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Đông** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:* ông **Lê Hoàng Huy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HS ngày 20/10/2025 đối với bị cáo:

L - Sinh ngày 06 tháng 7 năm 1991 tại tỉnh Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); CCCD: 082091002860; Nơi cư trú: khu phố R, phường M, tỉnh Đ; Nghề ngH: lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông T và bà P; Vợ: Til; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2023, nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần, ngày 19/12/2024 bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh T xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" (theo bản án số 116/2024/HS-ST ngày 19/12/2024). Bị cáo đang chấp hành án thì tiếp tục phạm tội; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2025 đến nay, có mặt tại phiên toà.

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư L và Luật sư N – Đoàn luật sư tỉnh T (nay là Đ) (có mặt Luật sư L, Luật sư N xin vắng mặt)

* **Người bị hại**: Bà **Đ** - sinh năm 1966

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Đ (vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1/ Ông **H** – sinh năm 1984

Nơi cư trú: khu phố 1, xã M, tỉnh Đ (vắng mặt).

2/ Bà **P** – sinh năm 1969

Nơi cư trú: khu phố R, phường M, tỉnh Đ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: L có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", hiện đang chấp hành án cải tạo không giam giữ, không có việc làm ổn định. Vào khoảng 11 giờ ngày 22/5/2025, L một mình điều khiển xe môtô biển số 63B2 – 786.12 từ nhà của mình đi tìm việc làm, khi đi ngang nhà bà Đ, tọa lạc tại ấp T, xã T, tỉnh Đ thì nhìn thấy cửa nhà mở nên nảy sinh trộm cắp tài sản, lúc này L dựng xe môtô trước cửa nhà rồi đi bộ vào nhà quan sát, tìm tài sản để trộm thì nhìn thấy bà Đà đang nằm ngủ trên võng, bên trên giá võng có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3X nên L đã lén lút lấy trộm điện thoại nêu trên và quay trở ra ngoài, điều khiển xe môtô 63B2 – 786.12 tẩu thoát. Sau khi lấy trộm điện thoại, L tháo sim điện thoại của bà Đà ra và lắp sim điện thoại của mình vào để sử dụng nhưng điện thoại đã khóa mật khẩu, không sử dụng được nên L đem điện thoại đến cho ông H, nơi thường trú: Khu phố 1, phường M, tỉnh Đ (là chủ tiệm điện thoại Hữu Tín) với lý do là quên mật khẩu yêu cầu ông H mở khóa điện thoại cho L thì ông H đồng ý và thực hiện. L sử dụng điện thoại trộm được cho đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Tại bản kết luận định giá số 550/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3X, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng bị mất trong vụ án ngày 22/5/2025 có giá trị là 3.591.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 357/2025/KLGĐ ngày 28/8/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ đối với L kết luận:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học:

- Trước, trong, ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 – ICD10);

- Vấn đề nhược điểm về thể chất, tâm thần: Trong Bảng phân loại bệnh tật quốc tế lần thứ 10 (ICD10) và các văn bản chuyên ngành, không sử dụng cụm từ "nhược điểm về thể chất, tâm thần" nên Trung tâm không có căn cứ để trả lời.

b. Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSGCT ngày 10/10/2025 của Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp truy tố bị cáo L về tội "Trộm cắp tài sản " theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị mức án phạt đối với bị cáo L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư L lập luận: hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện đầy đủ trong hồ sơ, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nên thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên bị cáo bị chậm phát triển tâm thần (khờ) do di truyền từ cha của bị cáo, nên bị cáo không nhận thức đầy đủ về hành vi của mình. Do sự chậm phát triển tâm thần đã ảnh hưởng đến hành vi của bị cáo. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm về lo cho vợ con và gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư N lập luận: hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện đầy đủ trong hồ sơ, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nên thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên, câu hỏi là lý do vì sao mà bị cáo lại phải phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" như thế, là một vấn đề cần phải suy ngẫm. Nhận thấy về trí óc, suy nghĩ của bị cáo rất không bình thường, rất còn là trẻ con: thể hiện qua ngôn từ, cư xử mà cụ thể tại kết luận giám định xác định bị cáo có bệnh lý tâm thần: chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD 10). Bởi thực tế, qua lời khai của mẹ bị cáo là bà P cho thấy: cha của bị cáo là ông T có bệnh tâm thần từ nhỏ, hiện tại thì ngH ngập nát rượu từ lúc còn trẻ, cho nên vào lúc sinh ra bị cáo có ảnh hưởng của bệnh chậm phát triển về tâm thần. Còn hiện nay, bà P phải một mình đi làm phụ hồ để lo cho gia đình: nuôi chồng, con trai, con dâu và hai đứa cháu nội đang tuổi ăn, tuổi lớn. Vợ bị cáo Til cũng thuộc dạng chậm phát triển, chỉ ở nhà chăm con, làm công việc nội trợ. Qua câu chuyện này cho thấy rõ ràng bị cáo thực sự có bệnh chậm phát triển về tâm thần từ khi còn nhỏ, mặc dù hiện đã có vợ, có hai con nhưng đầu óc, trí khôn vẫn còn như đứa trẻ, không phân biệt rõ thế nào là hành vi phạm tội. Với những điều kiện, hoàn cảnh của bản thân của gia đình bị cáo, rất mong Hội đồng xét xử xem xét, lưu tâm đến nhân thân, khả năng nhận thức khi có bệnh, trình độ học vấn của bị cáo, hoàn cảnh rất nghèo nàn, rất đáng thương tâm của bị cáo và gia đình để xem xét khoan hồng cho bị cáo. Trong khi bị cáo đang có 01 bé lớn chưa được 02 tuổi, bé nhỏ chưa được 01 tuổi. Để mà xem xét lượng hình cho bị cáo sớm được trở về với gia đình, cùng phụ giúp với mẹ, với vợ chăm sóc, muôi dưỡng hai con. Rất mong Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo dưới mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Vào khoảng 11 giờ 32 phút ngày 22/5/2025, tại nhà của bà Đ thuộc ấp T, xã T, tỉnh Đ, bị cáo L đã lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3X của bà Đ, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 3.591.000 đồng.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo đã phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, bị cáo đã có hành vi lén lút lợi dụng sự sơ hở, chủ quan của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3X có giá trị là 3.591.000 đồng nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo L gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đang ở độ tuổi thanh niên, đủ sức lao động tạo của cải vật chất để phục vụ nhu cầu cá nhân, giúp ích gia đình, xã hội; nhưng do bản tính tham lam chay lười lao động, nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang trong nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Ngày 19/12/2024 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh T xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 116/2024/HS-ST ngày 19/12/2024, bị cáo đang chấp hành án thì tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tài phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3X kiểu máy CPH2641, màu sơn xanh và 01 sim điện thoại số 0369658805; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã xử lý vật chứng trao trả lại cho bà Đ xong là có cơ sở.

[6.1] Đối với 01 xe môtô biển kiểm soát 63B2 – 786.12 nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius màu sơn đen, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe môtô nói trên là của bà P đứng tên chủ sở hữu và cho bị cáo sử dụng để đi lại hàng ngày, việc bị cáo sử dụng xe môtô nói trên để đi trộm cắp tài sản bà Phỉ hoàn toàn không

biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã xử lý vật chứng trao trả lại cho bà Phỉ xong, là có cơ sở.

[6.2] Đối với 01 đĩa DVD bên trong có chứa 01 đoạn video, có ký hiệu 6714363894769.mp4, thời lượng 01 phút 02 giây. Ghi lại sự việc trộm cắp tài sản, nên tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại bà Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ông H là người mở khoá điện thoại Oppo A3X nhưng ông H không biết cái điện thoại này do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý ông H là có cơ sở.

[9] Về án phí: do nhận định bị cáo có tội nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Luật sư Linh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Đề nghị của Luật sư Nga phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo L phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng các điểm s, q khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- **Xử phạt**: Bị cáo **L 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù được tính kể từ ngày 01/7/2025.

- **Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSNDKV3 - ĐT;
- PTHADSKV3 - ĐT;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Tuấn Anh